

Số: 528/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 20 tháng 4 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công Hạng mục  
Điều chỉnh mặt đường bê tông nhựa sang mặt đường bê tông xi măng  
đoạn tuyến Km12+128,49÷Km16+727,59 (Không bao gồm đoạn tuyến  
Km13+941,04÷Km14+500) thuộc dự án Mở rộng Quốc lộ 1 tránh thành phố  
Ninh Bình (đường tỉnh 477 kéo dài), tỉnh Ninh Bình.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về việc Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 524/TTr-SGTVT ngày 29/3/2016 và Báo cáo kết quả thẩm định 521/SGTVT-TĐ ngày 28/3/2016;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công Hạng mục Điều chỉnh mặt đường bê tông nhựa sang mặt đường bê tông xi măng đoạn tuyến Km12+128,49 ÷ Km16+727,59 (Không bao gồm đoạn tuyến Km13+941,04 ÷ Km14+500) thuộc dự án Mở rộng Quốc lộ 1 tránh thành phố Ninh Bình (đường tỉnh 477 kéo dài), tỉnh Ninh Bình, với những nội dung sau:

#### 1. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

- **Tên công trình:** Điều chỉnh mặt đường bê tông nhựa sang mặt đường bê tông xi măng đoạn tuyến Km12+128,49 ÷ Km16+727,59 (Không bao gồm đoạn tuyến Km13+941,04 ÷ Km14+500).

- **Tên chủ đầu tư:** Sở Giao thông Vận tải.

- **Tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 533.

- **Chủ nhiệm thiết kế:** Kỹ sư Mai Đăng Thanh Tiến.

- **Địa điểm xây dựng:** Thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư và huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

## 2. QUY MÔ XÂY DỰNG:

Điều chỉnh mặt đường BTN sang mặt đường BTXM đoạn tuyến Km12+128,49 ÷ Km16+727,59 (không bao gồm đoạn tuyến Km13+941,04 ÷ Km14+500) theo văn bản số 789/UBND-VP4 ngày 23/11/2015 với các nội dung như sau:

### 2.1. Bình đồ:

- Điểm đầu: Km12+128,49.
- Điểm cuối phân đoạn: Km16+727,59.

Trong đó không bao gồm đoạn Km13+941,04 ÷ Km14+500.

**2.2. Trắc dọc:** Giữ nguyên cao độ đường đồ được duyệt tại Quyết định số 2800/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2014 của Sở GTVT Ninh Bình.

**2.3. Quy mô cắt ngang:** Giữ nguyên quy mô nền đường, mặt đường, dải phân cách giữa như tại Quyết định số 2800/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2014, quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng nền đường:  $B_n=31,0\text{m}$ .
- Chiều rộng mặt đường:  $B_m=2 \times 9,5=19\text{m}$ ;
- Chiều rộng dải phân cách giữa:  $B_{pc}=2,0\text{m}$ ;

- Lề đường: Do không xây dựng vỉa hè theo văn bản số 789/UBND-VP4 ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh, đến nay hạng mục nền đường đã cơ bản thi công xong đến đỉnh lớp K95, công tác giải phóng mặt bằng đã thực hiện xong theo phạm vi thiết kế BVTC được duyệt tại Quyết định số 2800/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2014 của Sở Giao thông Vận tải Ninh Bình; điều chỉnh dốc ngang lề đất ra phía ngoài taluy nền đường đắp để tránh nước mặt chảy vào phía mặt đường gây ảnh hưởng tới chất lượng mặt đường:

- Độ dốc ngang mặt đường:  $i_m=2\%$ ;
- Độ dốc ngang lề đường:  $i_l=6\%$ ;
- Độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5.

**2.4. Nút giao:** Cơ bản giữ nguyên các nút giao trên đoạn tuyến được duyệt theo Quyết định số 2800/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2014 của Sở Giao thông Vận tải Ninh Bình, điều chỉnh không xây dựng vỉa hè theo văn bản số 789/UBND-VP4 ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình và điều chỉnh mái dốc lề đất ra phía ngoài taluy nền đường đắp với độ dốc  $i_{lđ}=6\%$ .

**2.5. Mặt đường trên Cầu sông Hệ (Km12+990,75) và cầu sông Vó (Km14+827,66):** Điều chỉnh lớp phủ mặt cầu sông Hệ và cầu sông Vó sang BTN C12,5 dày 8cm và lớp phòng nước dạng phun.

**2.6. Hệ thống thoát nước:** Hệ thống thoát nước cơ bản giữ nguyên như hồ sơ thiết kế BVTC đã được phê duyệt tại Quyết định số 38/QĐ-SGTVT ngày 07/01/2013 của Sở Giao thông Vận tải Ninh Bình, điều chỉnh hệ thống thoát nước dọc phạm vi từ Km13+806 ÷ Km14+466 cho phù hợp với việc bổ sung hạng mục cầu vượt đường sắt tại Km14+220, cụ thể như sau:



- Ngắt bỏ hệ thống thoát nước bên trái tuyến từ Km13+806÷Km14+466.
- Ngắt bỏ hệ thống thoát nước bên phải tuyến từ Km13+941÷Km14+466.
- Điều chỉnh hướng thoát nước dọc phạm vi từ Km13+861÷Km 13+941 bên phải tuyến để đầu nối thoát nước ra mương hiện hữu.

**2.7. Hệ thống an toàn giao thông:** Cơ bản giữ nguyên hệ thống an toàn giao thông theo Quyết định số 2800/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2014 của Sở GTVT Ninh Bình, điều chỉnh một số nội dung sau:

- Điều chỉnh vạch sơn kẻ đường trên tuyến chính: Vạch sơn dải an toàn phạm vi tiếp giáp với bo vỉa dải phân cách điều chỉnh từ 0,5m lên 0,6m và thống nhất trên toàn tuyến.
- Bổ sung vạch sơn gờ giảm tốc trên toàn bộ mặt cắt ngang tại các đường giao dân sinh có mặt đường là BTXM hoặc BTN.
- Bổ sung, điều chỉnh một số biển báo hiệu trên tuyến, cụ thể theo hồ sơ trình duyệt.
- Hệ thống vạch sơn, cọc tiêu, biển báo, cột Km... hệ thống sơn phân làn đảm bảo an toàn giao thông theo đúng “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ”: QCVN41:2012/BGTVT.

### **3. QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VÀ CÁC TIÊU CHUẨN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG:**

Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn của dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Ninh Bình (ĐT.477 kéo dài), tỉnh Ninh Bình đã được UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt tại quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/7/2014.

#### **4. CÁC GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CHÍNH**

**4.1. Nền đường:** Nền đường giữ nguyên thiết kế BVTC đã duyệt tại Quyết định số 38/QĐ-SGTVT ngày 07/01/2013 của Sở GTVT Ninh Bình.

#### **4.2. Quy mô kết cấu mặt đường:**

a) Điều chỉnh kết cấu mặt đường BTN sang mặt đường BTXM đối với các đoạn tuyến từ Km12+340 ÷ Km12+800, Km14+500 ÷ Km14+788,11, Km14+867,21 ÷ Km16+620, cụ thể như sau:

- Kết cấu áo đường gồm:
  - + Lớp BTXM M350, dày 25cm, đá 2x4 (bao gồm 6mm dự phòng mài mòn).
  - + Tưới nhựa 2 lớp mỗi lớp 1kg/m<sup>2</sup> và vải địa kỹ thuật không dệt.
  - + Móng CPDD loại I gia cố 5% xi măng dày 17cm.
  - + Móng CPDD loại I dày 18cm.
- Cấu tạo tấm BTXM: Tấm BTXM hình chữ nhật, cạnh dài trùng với hướng tuyến; tại các đoạn đường cong, bố trí tấm BTXM hình thang với 2 cạnh xiên chéo nhau gặp nhau ở tâm đường cong.
- Khe dọc: Bố trí 01 khe dọc ngừng thi công trên mỗi vệt rải, vị trí khe dọc ngừng thi công cách mép bo vỉa dải phân cách 4,5m. Khe dọc có bố trí thanh liên

kết  $\Phi 14$  chiều dài 700mm, khoảng cách các thanh là 600mm; trên bề mặt tiến hành cắt khe và lấp đầy khe cắt bằng Mastic trộn nhựa.

- Khe ngang (khe co và khe dẫn):

+ Khe dẫn: Khoảng cách trung bình bố trí khe dẫn là 80m/1khe; khe dẫn là loại khe có thanh liên kết truyền lực  $\Phi 30$  dài 450mm, khoảng cách các thanh là 300mm. Tại các vị trí giao giữa khe dẫn và khe dọc ngừng thi công bố trí cốt thép gia cường ở góc các tấm BTXM, thép gia cường  $\Phi 12$ .

+ Khe co: Chiều dài bố trí khe co trung bình là 4m/1khe; khe co loại khe có thanh liên kết truyền lực  $\Phi 30$  chiều dài 450mm, khoảng cách các thanh là 300mm; được cắt khe và lấp đầy khe cắt bằng Mastic trộn nhựa.

- Bố trí lưới thép tăng cường  $\Phi 12$  trên mặt cống tại các vị trí cống hộp, cống tròn và hộp kỹ thuật ngang đường theo quy định.

- Bố trí đoạn chuyển tiếp có khe nối để chuyển tiếp từ kết cấu mặt đường BTN sang kết cấu mặt đường BTXM và ngược lại.

b) Giữ nguyên kết cấu mặt đường BTN theo Quyết định số 2800/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2014 của Sở Giao thông Vận tải Ninh Bình đối với các đoạn tuyến từ Km12+800 ÷ Km13+941,04; Km14+788,11 ÷ Km14+867,21 (phạm vi cầu sông Vó), nút giao ĐT 478B tại Km12+128,49.

Riêng đoạn tuyến từ Km13+45,35 ÷ Km13+821,90: Trên mặt đường BTXM cũ, tại các vị trí tấm BTXM bị nứt, vỡ tiến hành đào xử lý hư hỏng mặt đường sâu trung bình 40cm trước khi làm mặt đường BTN sau đó hoàn trả với kết cấu xử lý hư hỏng như sau:

+ Lớp BTXM M350 dày 25cm.

+ Lớp CPĐD loại I gia cố xi măng 5% dày 15cm.

+ Xáo xới lu lèn lại móng đường cũ.

**Điều 2.** Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công theo Quyết định phê duyệt này và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; chỉ được thi công khi dự án được bố trí vốn và hoàn thành khối lượng xây dựng theo đúng tiến độ cấp vốn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
  - Lưu VT, VP4, 2.
- Nh.18

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Thạch**